

Bản án số: 109/2022/DS-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Năm.

2. Ông Trịnh Thế Phương Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 120 E, Phường F, TP G, tỉnh Long An.

Đại diện ủy quyền của bà Cúc: ông D, sinh năm 1984. (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: Ấp 6, xã H, huyện K, tỉnh Long An.

(*Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2020*)

2. Bị đơn: Bà B, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: 437/2 ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông C, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: 30 Khu 1, Ô1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà A do ông D trình bày: Do quen biết nên ngày 27/7/2018 âm lịch (tương ứng ngày dương lịch là 06/9/2018) bà A có cho bà B vay số tiền là 200.000.000đ với lãi suất thỏa thuận

miệng là 05%/tháng thời hạn vay 27/12/2018 âm lịch hoàn trả. Đến ngày 22/10/2018 bà A đề nghị vay tiếp số tiền là 200.000.000đ với lãi suất thỏa thuận miệng là 05%/tháng thời hạn trả là ngày 22/12/2018. Sau khi nhận tiền lần 02 xong khi đến hạn liên lạc yêu cầu bà B thanh toán thì bà B nại nhiều lý do để khất nợ. Tuy nhiên vài tháng nay bà A không liên lạc được với B, bà A hỏi thì biết được bà B bị nhiều người thừa và tài sản đã vay ngân hàng hết. Nay bà A khởi kiện yêu cầu bà B hoàn trả cho bà A số tiền gốc vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi vay từ ngày vay với mức lãi suất yêu cầu là 20%/năm. Trong quá trình giải quyết, theo biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2022, ông D đại diện bà A thay đổi một phần yêu cầu tiền lãi, chỉ yêu cầu tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử với mức lãi suất cơ bản nhà nước quy định.

Trong giai đoạn thụ lý, hòa giải bà B do ông X trình bày: Ông X đại diện cho bà B xác định không mượn tiền của bà B, bà B xác định chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 12/10/2018 không phải do bà B ký và viết, bà B không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết này. Do đó, bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Trong giai đoạn thụ lý, hòa giải ông C do ông X trình bày: Ông C xác định không vay tiền của bà A nên không có ý kiến gì trong vụ án này.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: ngày 27/7/2018 âm lịch (tương ứng ngày dương lịch là 06/9/2018) bà A có cho bà B vay số tiền là 200.000.000đ với lãi suất thỏa thuận miệng là 05%/tháng thời hạn vay 27/12/2018 âm lịch hoàn trả. Đến ngày 22/10/2018 bà B đề nghị vay tiếp số tiền là 200.000.000đ với lãi suất thỏa thuận miệng là 05%/tháng thời hạn trả là ngày 22/12/2018. Trong quá trình hòa giải bà B không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 12/10/2018. Tuy nhiên theo kết luận giám định số 1204/KL-KTHS ngày 16/3/2022 của Phân viện Khoa Học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công An thì chữ ký và chữ viết B dưới mục “Người mượn tiền” là do cùng một người ký ra. Vậy bà B có mượn tiền của bà A đến nay chưa thanh toán. Bà A khởi kiện yêu cầu bà B trả tiền gốc và thay đổi yêu cầu với đổi tiền lãi chỉ yêu cầu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản nhà nước quy định do chậm thanh toán từ ngày hẹn trả đến ngày xét xử là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà A và bà B ký với nhau giấy mượn tiền ngày 27/7/2018 âm lịch (tương ứng dương lịch là ngày 06/9/2018) và giấy mượn tiền ngày 22/10/2018. Nay bà A khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Do bà B hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi bà A khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa, bị đơn bà B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C vắng mặt. Trong giai đoạn xét xử, ông X và bà Y là đại diện từng lần theo ủy quyền của bà B và ông C có văn bản và lời khai về việc đã chấm dứt đại diện ủy quyền của bà B ông C và đã thông báo cho đương sự biết. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo phiên tòa cho ông C và bà B nhưng ông C và bà B vẫn vắng mặt. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà B và ông C phù hợp với điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa, theo biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2022, ông D đại diện bà A thay đổi một phần yêu cầu đối với phần tiền lãi. Bà A yêu cầu bà B trả số tiền 2 lần vay 400.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất cơ bản nhà nước quy định. Xét yêu cầu của bà A, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Ngày 27/7/2018 âm lịch (dương lịch ngày 06/9/2018) bà A có cho bà B vay số tiền là 200.000.000đ với lãi suất thỏa thuận miệng là 05%/tháng hạn ngày 27/12/2018 âm lịch (dương lịch ngày 01/02/2019) hoàn trả. Đến ngày 22/10/2018 bà B vay tiếp số tiền là 200.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận miệng là 05%/tháng thời hạn trả là ngày 22/12/2018, có ký giấy nhận nợ, đến nay chưa trả tiền gốc và lãi, bà A yêu cầu bà B thanh toán số tiền nợ, chỉ giao dịch với bà B. Trong quá trình hòa giải, ông X đại diện bà B không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 27/7/2018 âm lịch và ngày 22/10/2018 là của bà B nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A. Tuy nhiên, căn cứ theo Kết luận giám định số 1204/KL-KTHS ngày 16/3/2022 của Phân viện Khoa Học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công An thì *“Chữ viết, chữ ký đứng tên B dưới mục “Người mượn tiền” trên tài liệu ký hiệu A1, A2 số với chữ viết, chữ ký dùng làm mẫu so sánh đứng tên B trên các tài liệu từ M1 đến M9 là do cùng một người viết, ký ra”*, trong đó tài liệu ký hiệu A1 là Giấy mượn tiền ngày 27/7/2018 âm lịch, tài liệu ký hiệu A2 là Giấy mượn tiền ngày 22/10/2018. Vậy có căn cứ xác định bà B có ký mượn của bà A số tiền 200.000.000 đồng ngày 27/7/2018 âm lịch (dương lịch ngày 06/9/2018) và mượn 200.000.000 đồng ngày 27/12/2018 đến nay chưa thanh toán tiền gốc và lãi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A buộc bà B trả cho bà A số tiền vay gốc 400.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự.

[5.2] Về yêu cầu tính lãi: giấy mượn tiền không có thỏa thuận lãi suất, việc thỏa thuận miệng tiền lãi không được bị đơn thừa nhận, xác định là vay không có lãi, tuy nhiên khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất cơ bản nhà nước quy định từ ngày vi phạm đến ngày xét xử là có căn cứ. Do đó, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 01/02/2019 là 200.000.000 đồng x 0,75% x 43 tháng 19

ngày = 65.450.000 đồng và số tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 22/12/2018 là 200.000.000 đồng x 0,75% x 45 tháng 8 ngày = 67.900.000 đồng, tổng cộng 133.350.000 đồng tiền lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự.

[6] Về chi phí giám định: 3.000.000 đồng, bà A đã nộp tạm ứng. Bà B không thừa nhận chữ ký chữ viết nhưng kết quả giám định là đúng chữ ký chữ viết của bà nên bà B phải chịu chi phí này. Bà B có nghĩa vụ trả lại cho bà A 3.000.000 đồng tiền chi phí giám định.

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[8] Về án phí: Bà Thúy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải thanh toán. Bà A không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các Điều 207, 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A.

Buộc bà B trả cho bà A số tiền vay gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 133.350.000 đồng, tổng cộng là 533.350.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về chi phí giám định: 3.000.000 đồng bà B phải chịu, bà A đã nộp tạm ứng. Bà B có nghĩa vụ trả lại cho bà A 3.000.000 đồng tiền chi phí giám định.

Về án phí: bà B phải chịu 25.334.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà A 13.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số 0007636 ngày 21/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ấn văn, Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hồ Bảo Trâm